TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **325**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2023
Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Hoàng Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Xuân Phương**

2. Bà **Huỳnh Thị Thanh Hà**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Hà**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông **Lưu Thế Tài** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **766**/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2022 về việc: ***Tranh chấp ly hôn*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **53**/2023/QĐXX-ST ngày 17/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **46**/2023/QĐST-HPT ngày 04/5/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Phạm Thị Mai A** - sinh năm 1984; HKTT: Số A ngõ C phố T, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Căn hộ P.1711 chung cư EcoGreen, số B phố N, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (Có mặt);

- ***Bị đơn***: Anh **Đinh Quang M** - sinh năm 1979; HKTT và nơi ở: Số A ngõ C phố T, phường B, quận H, thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Mai A trình bày: Chị và anh Đinh Quang M xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2003 tại UBND phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại số A ngõ C T, phường B, quận H, thành phố Hà Nội là nhà bố mẹ đẻ của anh M.

Anh chị chung sống bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M không tu chí làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, chị và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, khuyên ngăn, động viên anh M nhưng anh không thay đổi mà ngày càng sa đà hơn vào con đường ăn chơi. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào năm 2016, anh chị chính thức ly thân từ thời gian này. Chị đã đưa các con chuyển về sống tại nhà mẹ đẻ chị ở P.1711 chung cư EcoGreen, số B N, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn với anh M.

- Về con: Anh chị có 02 (hai) con chung là Đinh Phạm Khánh V – sinh năm 2004 (Nữ), đã thành niên và Đinh Phạm Như Ý – sinh ngày 04/10/2013 (Nữ). Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Như Ý. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cho chị do hiện nay anh M đang gặp khó khăn về kinh tế. Hiện chị đang làm nhân viên phát triển thị trường của Công ty Cổ phần T1, đồng thời làm nhân viên bán hàng mỹ phẩm và thực phẩm chức năng cho mẹ đẻ chị là bà Vi Thị T tại hộ kinh doanh SIBERIAN WELLNESSS H21, thu nhập bình quân khoảng 15 – 20 triệu đồng/ tháng nên có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị xác nhận anh chị không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị xin chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Đinh Quang M đến Tòa để tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng anh M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, anh M có mặt và trình bày như sau: Anh và chị Phạm Thị Mai A xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2003 tại UBND phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại số A ngõ C T, phường B, quận H, thành phố Hà Nội là nhà bố mẹ đẻ của anh. Anh chị chung sống bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hợp nhau. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào năm 2016, anh chị chính thức ly thân từ thời gian này. Chị A đã tự ý đưa các con chuyển về sống tại nhà mẹ đẻ chị ở từ năm 2016 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con: Anh chị có 02 (hai) con chung là Đinh Phạm Khánh V – sinh năm 2004 (Nữ), đã thành niên và Đinh Phạm Như Ý – sinh ngày 04/10/2013 (Nữ). Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Như Ý và xin được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con do hiện nay đang gặp khó khăn về kinh tế.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh xác nhận anh chị không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị A chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 13/11/2003 tại UBND phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân chủ yếu do hai bên không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh M của chị A. Về con: Anh chị có 02 (hai) con chung là Đinh Phạm Khánh V – sinh năm 2004, đã thành niên và Đinh Phạm Như Ý – sinh ngày 04/10/2013. Sau khi ly hôn, đề nghị giao cháu Như Ý cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Chị A là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Đinh Quang M có hộ khẩu thường trú tại: Số A ngõ C T, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh M thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 13/11/2003 tại UBND phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2014, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh M không chí thú làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Quá trình chung sống, giữa anh M và chị A có xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân cụ thể là gì chính quyền địa phương không nắm được do anh chị không biểu hiện ra bên ngoài. Nay chị A có đơn xin ly hôn anh M, địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Chị A và anh M đã nảy sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Giữa anh chị không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình là thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, giải quyết cho chị A được ly hôn anh M.

Về con: Anh chị có 02 (hai) con chung là Đinh Phạm Khánh V – sinh năm 2004 (Nữ) đã thành niên và Đinh Phạm Như Ý – sinh ngày 04/10/2013 (Nữ). Sau khi ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Như Ý. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về nội dung này, nhận thấy: Tính đến thời điểm Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cháu Như Ý đã trên 7 tuổi nên thuộc trường hợp phải lấy ý kiến về nguyện vọng của cháu. Qua xem xét ý kiến của cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Hiện chị A đang có công việc và thu nhập đều đặn, có chỗ ở ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con trong khi anh M không có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giao cháu Như Ý cho chị A trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Như Ý thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của đương sự và bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của trẻ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi chị A có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị A chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mai A đối với anh Đinh Quang M.

Chị Phạm Thị Mai A được ly hôn anh Đinh Quang M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 13/11/2003 do UBND phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội cấp cho chị Phạm Thị Mai A và anh Đinh Quang M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con: Xác nhận chị A và anh M có 02 (hai) con chung là Đinh Phạm Khánh V – sinh năm 2004 (Nữ) đã thành niên và Đinh Phạm Như Ý – sinh ngày 04/10/2013 (Nữ). Sau khi ly hôn, chị A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Phạm Như Ý cho đến khi cháu Như Ý thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với

anh M cho đến khi chị A có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Mai A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn)* chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/**0013115** ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt chị A, anh M. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (GCNKH số 130 ngày 13/11/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Hoàng Phương